

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:540/2019/HS-ST

Ngày : 20/11/ 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa:* Ông Nguyễn Triều Châu.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Thiệu Thị Phi Loan và bà Nguyễn Thị Kim Chi.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thành Thị Thu T - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố

Biên Hòa.

- ***Đại diện VKSND Thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Trương Kim Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở TAND Thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số : 533/ 2019/ TLST-HS ngày 06/11/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 533/2019/QĐXXST-HS ngày 07/11/2019 đối với bị cáo:

- **Lê Thị Thu T, sinh năm 1997 tại tỉnh An Giang.** HKTT:ấp Hòa Hưng, xã Hòa Bình T, huyện C, tỉnh A; Nơi cư trú: số nhà 74B, tổ 7, khu phố 6, phường Long Bình, thành phố B, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê L (còn sống) và bà Lê H (Còn sống); Có chồng: Đặng Phước D(đã ly hôn), có một con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/08/2019 đến ngày 13/8/2019 hủy bỏ biện pháp tạm giữ và cấm đi khỏi nơi cư trú số 189 ngày 12/8/2019 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa , có mặt.

- **Bị hại:** Chị Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 2001. Trú tại: 292/51 Yên Ninh, khu phố 1, phường Mỹ Đông, thành phố C, tỉnh N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 20 giờ 15 phút ngày 04/8/2019, Lê Thị Thu T mượn xe mô tô biển số 67C1-542.13 của mẹ ruột tên Lê Thị Thu H để đi công việc. T điều khiển xe đi trên đường Đồng Khởi theo hướng từ ngã tư Amata đi ngã tư Tân Phong thì T phát hiện thấy anh Hoàng Trung H đang điều khiển xe mô tô biển số 85C1-xxxxx chở chị Phạm Thị Ngọc H đi phía trước cùng chiều có để 01 điện thoại di

động túi quần phía sau bên phải hở ra ngoài 01 nửa nên T nảy sinh ý định cướp giật tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó, T điều khiển xe mô tô đuổi theo sau, khi đến quán Karaoke My My trên đường Đồng Khởi thuộc tổ 13, khu phố 4, phường Tân Hiệp, thành phố B thì T cho xe vượt lên bên phải ngang với xe mô tô của anh H rồi dùng tay phải giật điện thoại di động của chị H bỏ vào trong hộc xe mô tô phía trước bên trái rồi điều khiển xe bỏ chạy. Anh H đuổi theo hô cướp thì có anh Nguyễn Thành A đi phía sau đuổi theo đến trước nhà số 508/13, khu phố 3, phường Tân Hiệp, thành phố B bắt được T cùng vật chứng giao cho công an phường Tân Hiệp, thành phố B xử lý theo quy định.

Tại bản kết luận định giá số 308/TCKH-HĐĐG ngày 06/8/2019 Của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận. Một điện thoại di động hiệu OPPO của chị H có trị giá 6.561.000đ(sáu triệu năm trăm sáu mươi một ngàn đồng).

Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Biên Hòa đã trả lại điện thoại cho chị H. Chị H đã nhận lại tài sản và có đơn yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại cáo trạng số 544/CT/VKSBH-HS, ngày 04/11/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Lê Thị Thu T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa bị cáo trình bày: Bị cáo không có ý kiến gì về bản cáo trạng, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bị cáo nhất thời phạm tội. Hiện bị cáo đang nuôi con nhỏ và đã mang thai hơn 04 tháng. Đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo tạo điều kiện cho bị cáo chăm sóc các con được tốt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đang nuôi con nhỏ và hiện đang mang thai hơn 04 tháng tuổi. Người bị hại có đơn xin bãi nại và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bị cáo nhất thời phạm tội. Bị cáo phạm tội lần đầu và có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội và cho bị cáo hưởng án treo để tạo điều kiện cho bị cáo chăm sóc con nhỏ thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Về mức hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm 06(sáu) tháng đến 03(ba) năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cho bị cáo.

Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Xe mô tô biển số 67C1-xxxxx là tài sản hợp pháp của bà Lê Thị Thu H, bà H không biết T mượn xe đi để thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại xe cho bà Hà.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và các chứng cứ khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Thực tế có cơ sở chứng minh, Khoảng 20 giờ 15 phút ngày 04/8/2019, tại đoạn đường Đồng Khởi thuộc tổ 13, khu phố 4, phường Tân Hiệp, thành phố B. Lê Thị Thu T đã có hành vi cướp giật 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, số Imei: 863880040120991 của chị Phạm Thị Ngọc H có trị giá là 6.561.000đ thì bị phát hiện và bắt quả tang. Hành vi dùng xe mô tô ép sát giật tài sản của người bị hại là thủ đoạn nguy hiểm dễ dẫn đến nguy hiểm đến tính mạng cho bị hại, bị cáo và người tham gia giao thông. Từ những phân tích nêu trên có cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản” vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa thì thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, có 01 con nhỏ và hiện đang mang thai hơn 04 tháng tuổi; Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bị cáo nhất thời phạm tội; Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Người bị hại có đơn bãi nại và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và phạm tội lần đầu; Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên cần căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; Các Điều 2, 3, 4, 5 và 6 của Nghị Quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xét thấy bị cáo đang nuôi con nhỏ và hiện đang mang thai nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội và cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tính giáo dục răn đe và thể hiện tính nhân đạo của pháp luật đối với bị cáo.

[4] Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Cần buộc bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện VKS thành phố B phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm d khoản 2 điều 171; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Các điều 2, 3, 4, 5 và 6 của Nghị Quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

- Tuyên bố bị cáo: Lê Thị Thu T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu T 03(ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05(năm) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 20/11/2019).

Giao bị cáo Lê Thị Thu T cho UBND phường L, thành phố B, tỉnh Đ theo dõi, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đ có trách nhiệm thông báo ngay cho Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ để Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Người có mặt tính từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- Bị cáo, người bị hại
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố B;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan điều tra;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Lưu h/s, án văn.

Nguyễn Triều Châu

